

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bản án số: 382/2024/HS-PT
Ngày 24 tháng 5 năm 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tửu

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Long

Bà Huỳnh Thanh Duyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Hà - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mậu Hưng - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 24 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 928/2023/TLPT-HS ngày 07 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo Đoàn Minh T và các bị cáo khác, do có kháng cáo của các bị cáo **Đoàn Minh T, Nguyễn Trí T1, Trịnh Hoàng V** đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2023/HS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 16/2024/QĐXXPT-HS ngày 02 tháng 01 năm 2024, đối với:

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Đoàn Minh T**, sinh ngày 27 tháng 7 năm 1986 tại tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: Ấp D, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 06/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đoàn Văn L, sinh năm 1952 và bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1954 (đã chết); Có vợ và 04 người con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17 tháng 11 năm 2022 cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. **Nguyễn Trí T1**, sinh ngày 20 tháng 11 năm 1986 tại tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 04/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt

Nam; Con ông Nguyễn Văn Ủ (đã chết) và bà Nguyễn Thị T3 (đã chết); Có vợ và 03 con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20 tháng 5 năm 2023 cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

3. **Trịnh Hoàng V**, sinh ngày 12 tháng 02 năm 1989 tại tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: Ấp C, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trịnh Văn T4, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1968; Có vợ và 01 người con; Tiền án: 01 tiền án, ngày 16 tháng 6 năm 2010 bị Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xử phạt 10 năm tù về tội “*Giết người*”.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 27 tháng 9 năm 2022 đến ngày 23 tháng 02 năm 2023 áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa theo yêu cầu của bị cáo Đoàn Minh T: Luật sư Nguyễn Thúy Lệ H - Công ty L4, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

Người bào chữa theo chỉ định cho bị cáo Nguyễn Trí T1: Luật sư Đặng Thái H1 - Công ty L5, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

(Ngoài ra trong vụ án còn có các bị cáo Nguyễn Văn T5, Bùi Văn H2, Phan Thanh Quốc T6, Nguyễn Thanh V1 không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 18 tháng 01 năm 2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T tiếp nhận hồ sơ xử lý vi phạm hành chính vụ vận chuyển mua bán dầu Diezen (DO) trên biển trái phép theo Công văn kiến nghị khởi tố số 72/BCH-PCMT&TP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh T chuyển đến, đề Cơ quan Cảnh sát điều tra giải quyết theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra xác định: Bị cáo Đoàn Minh T là chủ sở hữu tàu Vinh Phát số hiệu BT 99506 TS. Do biết được việc mua dầu Diezen (DO) không rõ nguồn gốc, xuất xứ trên biển có giá rẻ hơn so với giá thị trường và bán lại cho các tàu đánh bắt thủy sản sẽ thu được lợi nhuận cao, nên bị cáo T đã đứng ra thuê mướn Nguyễn Văn T5 (sinh năm 1960, cư trú tại khu phố A, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang) làm tài công lái tàu BT 99506 TS; Nguyễn Trí T1 (có địa chỉ nêu trên) cùng đi trên tàu làm máy trưởng, trông coi sửa chữa máy, bơm dầu, ghi sổ sách số lượng dầu mua vào, bán ra cho các chủ tàu để báo lại cho T theo dõi thanh toán tiền với những chủ tàu mua dầu. Ngoài ra, còn có thuyền viên Huỳnh Văn

T7 (sinh năm 1985) và Huỳnh Văn Đ (sinh năm 1985), cùng cư trú tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre cùng đi trên tàu để cột dây tàu, kéo ống bơm dầu phục vụ việc mua bán dầu.

Ngày 16 tháng 01 năm 2016, thông qua giới thiệu của ông Nguyễn Văn L1 (cư trú tại ấp D, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre (hiện nay ông L1 đã chết)), bị cáo T điện thoại liên hệ mua dầu DO của đối tượng không rõ tên, địa chỉ ở Thành phố Hồ Chí Minh, số lượng 170.000 lít với giá 7.500 đồng/lít, giá trị tổng cộng là 1.275.000.000 đồng. Đối tượng này cho L1 biết giao nhận dầu trên biển vào ngày 16 tháng 01 năm 2016 tại vị trí có tọa độ $06^{\circ}32'18,0''\text{N}$ - $107^{\circ}23'41,9''\text{E}$ (thuộc vùng đặc quyền kinh tế Việt Nam) để L1 gửi cho T. Sau đó, bị cáo T đã điện thoại liên hệ báo cho Nguyễn Văn T5 (*là bị cáo trong vụ án*) là tài công lái tàu số hiệu BT 99506 TS cùng đi với thuyền viên Nguyễn Trí T1 (*là bị cáo trong vụ án*), Huỳnh Văn T7, Huỳnh Văn Đ đi từ tọa độ $08^{\circ}42'532''\text{N}$ - $106^{\circ}32'913''\text{E}$ thuộc khu vực C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đến vị trí tọa độ $06^{\circ}32'18,0''\text{N}$ - $107^{\circ}23'41,9''\text{E}$ nêu trên, cập mạn một tàu nước ngoài không rõ số hiệu, quốc tịch để nhận dầu DO.

Khi nhận dầu xong, bị cáo T điện thoại chỉ đạo cho bị cáo T5 lái tàu về vùng biển tỉnh Bến Tre để bán dầu cho các tàu đánh bắt thủy sản khác kiếm lợi nhuận. Khi có tàu mua dầu, bị cáo T là người trực tiếp đứng ra liên lạc, trao đổi, thỏa thuận việc mua bán dầu và phương thức thanh toán tiền với các chủ tàu, đồng thời T cũng cung cấp vị trí tọa độ của tàu mua dầu cho bị cáo T5 biết. Trên hải trình, T5 sử dụng bộ đàm liên lạc với tài công của các tàu mua dầu để giao dầu. Khi bán dầu, bị cáo T1 là người trực tiếp ghi số dầu (loại cuốn tập học sinh), ghi số lượng dầu đã bán cho các tàu, tên thuyền trưởng nhận dầu để cung cấp cho bị cáo T5 báo về đất liền cho bị cáo T biết, để liên hệ gặp các chủ tàu mua dầu thanh toán tiền bán dầu.

Trong 03 ngày từ ngày 16 tháng 01 năm 2016 đến ngày 18 tháng 01 năm 2016, T đã thỏa thuận, bán dầu cho 04 chủ tàu, T5 và T1 đã cập mạn tàu, giao 103.328 lít dầu tại tọa độ $09^{\circ}00'28,2''\text{N}$ - $107^{\circ}20'6,89''\text{E}$ thuộc vùng biển tỉnh Bến Tre, cụ thể như sau:

- Trong ngày 16 tháng 01 năm 2016, T liên lạc bán cho Bùi Văn H2 với số lượng 38.930 lít, với giá 8.600 đồng/lít = 334.798.000 đồng. Trong đó, T5 đã cho tài công tên Nguyễn Văn T8 (Bùi K, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1966, cư trú tại số D, N, phường C, thành phố M, tỉnh Tiền Giang) của tàu tên Minh P, biển số đăng ký 98057TS, do ông Bùi Văn H2 làm chủ, nhận với số lượng 23.280 lít dầu vào khoảng 19 giờ đến 20 giờ. T5 đã cho tài công tên Mai Đức N1 (Q, sinh ngày 16 tháng 8 năm 1981, cư trú tại ấp A, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre) của tàu tên Minh P, biển số đăng ký 98055TS, do ông Bùi Văn H2 làm chủ, nhận số lượng

15.650 lít vào khoảng 21 giờ đến 22 giờ tại tọa độ 09⁰00'28,2"N - 107⁰20'6,89"E thuộc vùng biển tỉnh Bến Tre.

- Ngày 17 tháng 01 năm 2016, T liên lạc bán cho Nguyễn Thanh V1, số lượng 17.320 lít, với giá 8.000 đồng/lít dầu do tài công Trần Hồng V2 (tự T9, sinh ngày 27 tháng 11 năm 1981, cư trú tại khu phố D, thị trấn T, huyện G, tỉnh Tiền Giang) của tàu Thuận Hải, biển số đăng ký BT 94961 TS do V2 làm chủ, nhận số lượng 17.320 lít vào khoảng 23 giờ đến 00 giờ đêm ngày 16, rạng sáng 17 tháng 01 năm 2016 tại khu vực biển tỉnh Bến Tre.

- Trong ngày 17 tháng 01 năm 2016, T liên lạc bán cho Phan Thanh Quốc T6 20.000 lít, với giá 8.600 đồng/lít, do tài công Đoàn Văn L2 (sinh ngày 10 tháng 8 năm 1973, cư trú tại khu phố A, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang) và tài công tên B của tàu tên Trung Lập, biển số đăng ký BT 95924 TS, BT 99054 TS do Phan Thanh Quốc T6 làm chủ, nhận vào khoảng 02 giờ ngày 18 tháng 01 năm 2016.

- T liên lạc bán cho ông Đỗ Hữu C (sinh năm 1961, cư trú tại ấp C, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre) số lượng 27.078 lít, giá 8.600 đồng/lít, do tài công tên H3 và tên V3 (không rõ địa chỉ) của các tàu BT 94844 TS và BT 94094 TS nhận dầu, hiện nay ông C đã chết.

- Tiếp đến ngày 18 tháng 01 năm 2016, bị cáo T chỉ đạo bị cáo T5 điều khiển tàu đến tọa độ 09⁰21'9,3"N - 106⁰47'27"E thuộc vùng biển tỉnh Trà Vinh bán hết số dầu còn lại cho các tàu của bị cáo Bùi Văn H2 để vào bờ ăn Tết. Thơm liên hệ cho Nguyễn Văn T8 (B) là tài công lái tàu của H2 biết, T8 điện báo lại cho H2 biết việc T5 (là thuyền trưởng tàu của T) kêu bán hết số dầu để vào bờ ăn Tết, H2 đồng ý mua và kêu T8 liên hệ với các tài công của các tàu của H2 để nhận dầu. Lúc đó, tàu của H2 gồm 02 đôi tàu gồm 04 chiếc, trong đó tài công Nguyễn Văn T8 của tàu biển số đăng ký BT 98057 TS và tài công Mai Đức N1 (Queo) của tàu BT 98055 TS. Lúc này N1 (Q) sử dụng bộ đàm thông báo cho Ngô Thanh L3 (sinh năm 1980, cư trú tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre) lái tàu BT 97227 TS (tàu đực) neo đậu gần tàu cái của N1 đến nhận dầu từ tàu BT 99506 TS của T11 trước tại khu vực biển thuộc vùng biển tỉnh Trà Vinh, có tọa độ 09⁰21'9,3"N - 106⁰47'27"E. Đến khoảng 19 giờ 50 phút ngày 18 tháng 01 năm 2016 thì bị lực lượng Bộ đội Biên phòng tỉnh Trà Vinh phát hiện, bắt giữ đưa 02 phương tiện về Đ2 tại khu vực ấp B, xã T, thị xã D, tỉnh Trà Vinh để làm việc.

Ngày 27 tháng 01 năm 2016, đơn vị Phòng, chống ma túy và tội phạm thuộc Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh T kết hợp Đoàn Biên phòng Trường Đ2, Sở T12, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh T tiến hành kiểm tra xác định lượng dầu trên tàu BT 99506 TS còn lại, tại thời điểm bị bắt là 50.230 lít dầu, số lượng dầu tàu BT 997227 TS đã mua và bơm được từ tàu BT 99506 TS số lượng 3.391 lít dầu, tổng cộng số dầu trên 02 tàu là 53.621 lít dầu.

Như vậy, đến khi bị phát hiện bắt giữ, bị cáo T đã bán lại cho: Phan Thanh Quốc Thái 20.000 lít dầu, Nguyễn Thanh V1 17.320 lít dầu, Bùi Văn H2 mua 42.321 lít dầu, ông Đỗ Hữu C số lượng 27.078 lít dầu, tổng cộng được 106.719 lít dầu thuộc lãnh hải Việt Nam và còn lại 50.230 lít dầu bán cho Bùi Văn H2 nhưng do bị phát hiện chưa kịp giao, đã bị thu giữ.

Sau khi bán dầu, bị cáo T đã liên lạc thanh toán đủ số tiền mua dầu cho bên bán với số tiền 1.275.000.000 đồng và T liên lạc với các chủ tàu gồm bị cáo Phan Thanh Quốc T6, Nguyễn Thanh V1, Bùi Văn H2, Đỗ Hữu C để yêu cầu thanh toán tiền mua dầu của T trước khi bị bắt, nên các chủ tàu này đã thanh toán cho T xong. T thừa nhận thu lợi nhuận chênh lệch được số tiền 73.512.785 đồng.

Căn cứ vào vị trí tọa độ lực lượng tuần tra của Bộ đội Biên phòng tỉnh T thu giữ số lượng dầu 53.621 lít, thuộc lãnh hải Việt Nam và số lượng 103.328 lít dầu DO mà T đã bán cho tàu của bị cáo T6, bị cáo V1, bị cáo H2 và ông C thu lợi nhuận 73.512.785 đồng, có cơ sở xác định bị cáo T buôn bán trái phép qua biên giới tổng số 156.949 lít dầu DO.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 08/BKLDGTS ngày 09 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng Định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Trà Vinh, xác định giá dầu DO 0,25% của loại dầu trên trước ngày 01 tháng 01 năm 2016 có giá 8.539 đồng/lít. Như vậy, Đoàn Minh T đã thực hiện hành vi buôn lậu với số lượng 156.949 lít dầu DO có giá trị là 1.340.187.000 đồng.

Đối với 13.051 lít dầu còn lại, Nguyễn Trí T1 khai đã bán cho 02 tàu Thanh Tùng làm chủ tàu, qua xác minh là Nguyễn Văn C1 nhưng không đủ căn cứ xử lý do hiện ông C1 đã chết.

Đối với ông Đỗ Hữu C mua của T số lượng 27.078 lít dầu, quá trình điều tra do ông C đã chết nên không xử lý.

Căn cứ văn bản số 529/ĐĐBĐVN-CN ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Cục Đ3, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam, xác định:

- Vị trí tọa độ mua dầu 06⁰32'18,0"N - 107⁰23'41,9"E nằm trong vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam.

- Vị trí tọa độ mua dầu 09⁰00'28,2"N - 107⁰20'6,89"E nằm trong lãnh hải Việt Nam.

Căn cứ văn bản số 853/STNMT-QLTNB ngày 27 tháng 3 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T, xác định: Vị trí tọa độ 08⁰42'532"N - 106⁰32'9,13"E; vị trí tọa độ 09⁰21'93"N - 106⁰47'27"E nằm trong vùng biển ngoài khơi thuộc tỉnh Trà Vinh.

Ngoài số lượng dầu đã mua bán trên bị cáo T1, bị cáo T5 còn khai trước đây có đi tàu mua bán dầu cho bị cáo T vài lần nhưng không nhớ rõ số lượng bao

nhiều, cụ thể thời gian nào bán cho những tàu nào, phần này không có cơ sở xem xét.

Sau khi tàu BT 99506 TS của bị cáo T buôn lậu dầu bị Bộ đội Biên phòng tỉnh T phát hiện bắt giữ vào ngày 18 tháng 01 năm 2016, bị cáo T gặp và nhờ bị cáo Trịnh Hoàng V (là người làm thuê, phụ coi công việc đóng ghe cào cho gia đình T) đứng ra nhận tội thay cho T và T hứa nếu V đồng ý đứng ra nhận tội buôn lậu dầu thay cho T thì T sẽ đứng ra xây dựng cho cha mẹ V căn nhà cấp 4, có giá trị khoảng 400.000.000 đồng, nên V đồng ý. T kêu V về nhà T, T hướng dẫn bà Nguyễn Thị Tố Q1 (sinh năm 1989, cư trú tại ấp D, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre (là vợ của bị cáo T)) viết hợp đồng cho V thuê tàu bằng giấy tay đề ngày 10 tháng 9 năm 2015 với nội dung T cho V thuê tàu BT 99506 TS của T, để làm phương tiện vận chuyển hậu cần, cả hai cùng ký tên vào hợp đồng và có ông Lê Văn Đ1 (sinh năm 1978, cư trú tại ấp B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre) cùng ký xác nhận làm chứng, mục đích để bị cáo T cung cấp cho Bộ đội Biên phòng tỉnh T, V là người thuê tàu của T đi mua bán dầu lậu bị bắt chứ không phải T. Đồng thời, T dặn V khai là người thuê tàu của T.

Để chỉ đạo cho tài công đi mua dầu và cho V biết quá trình tàu đi mua dầu từ đâu đến đâu và cách thức liên hệ, giao dịch với tàu dầu nước ngoài để mua dầu, số lượng dầu đã mua từ tàu dầu nước ngoài để bán lại cho các tàu đánh bắt hải sản trên biển để khai báo khi Bộ đội Biên phòng tỉnh T mời làm việc. Sau đó, bị cáo T điện thoại liên hệ gặp các chủ tàu đã mua dầu của T gồm T6, V1 và H2 và C để hướng dẫn họ và V khi Bộ đội Biên phòng mời làm việc thì khai mua dầu của bị cáo V chứ không phải của T và tàu bán dầu là của V, đồng thời V cùng đi với T, H2, các chủ tàu gồm V1, T6 và C từ huyện B, tỉnh Bến Tre qua Đồn Biên phòng Đ2 để cung cấp lời khai, do đã thống nhất nên khi Bộ đội Biên phòng tỉnh T làm việc, V khai nhận sử dụng tàu BT 99506 TS thuê của T để mua dầu số lượng 170.000 lít bán lại cho các chủ tàu gồm T6, V1, H2 và C như T hướng dẫn và các chủ tàu gồm T6, V1, H2 cũng khai mua dầu của V, cho đến khi Cơ quan điều tra tiếp nhận làm rõ khởi tố bị cáo đối với Đoàn Minh T thì V, T6, V1, H2 thừa nhận mua dầu của T chứ không phải của V.

Do V nhận tội thay cho T nên ngày 05 tháng 02 năm 2016, Bộ đội Biên phòng tỉnh T tịch thu toàn bộ tang vật vi phạm của V; số dầu của 04 chủ tàu đã mua từ tàu của bị cáo T 107.719 lít; ra Quyết định xử phạt hành chính phạt tiền Trịnh Hoàng V và 04 chủ tàu mua dầu của T gồm Phan Thanh Quốc T6, Nguyễn Thanh V1, Bùi Văn H2, Đỗ Hữu C mỗi người 10.000.000 đồng, bị cáo T đã đóng tiền phạt thay V và các chủ tàu này, do V chỉ bị Bộ đội Biên phòng tỉnh T xử lý hành chính nên T cũng không có bỏ tiền xây nhà cho cha mẹ của V như T đã hứa.

Quá trình điều tra truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T5, Nguyễn Trí T1, Trịnh Hoàng V, Phan Thanh Quốc T6 và Nguyễn Thanh V1 khai nhận hành vi phạm tội của mình.

- Đối với ông Huỳnh Văn T7 và ông Huỳnh Văn Đ làm thuê đi tàu cho bị cáo T lần đầu tiên, thông qua giới thiệu của bị cáo T1 (ông T7 và ông Đ không trực tiếp thỏa thuận với bị cáo T), với nhiệm vụ là thuyền viên buộc dây, thả neo, kéo ống bơm dầu. Quá trình điều tra xác định, ông T7 và ông Đ không biết quá trình mua bán dầu của bị cáo T, không biết bị cáo T buôn lậu dầu, xét thấy không đủ cơ sở xem xét trách nhiệm hình sự đối với ông T7 và ông Đ.

- Đối với ông Nguyễn Văn L1, bị cáo T khai quá trình mua dầu của tàu dầu nước ngoài là thông qua ông L1 giới thiệu, ông L1 đã chết (có giấy chứng tử kèm theo) nên không xem xét xử lý. Ngoài ra, người trực tiếp thỏa thuận bán dầu cho bị cáo T hiện nay không rõ ở đâu, Cơ quan điều tra làm rõ xử lý sau.

- Đối với các ông Nguyễn Văn T8, Mai Đức N1, Ngô Thanh L3 là thuyền trưởng điều khiển tàu của bị cáo H2; ông Đoàn Văn L2 thuyền trưởng điều khiển tàu của bị cáo T6; ông Trần Hồng V2 thuyền trưởng điều khiển tàu của bị cáo V2. Quá trình điều tra xác định, việc giao dịch mua dầu của T do chủ tàu thực hiện, họ không biết nguồn gốc dầu do bị cáo T mua dầu lậu bán lại cho các chủ tàu, xét thấy không đủ cơ sở xem xét trách nhiệm hình sự đối với các thuyền trưởng trên.

- Đối với ông Đỗ Hữu C, quá trình điều tra xác định ông C có sử dụng tàu BT 94844 TS và tàu BT 94094 TS mua dầu của bị cáo T tổng số dầu **27.078** lít. Tuy nhiên, hiện nay ông C đã chết, nên không xem xét trách nhiệm hình sự đối với ông C. Ngoài ra, đối với các thuyền trưởng còn lại như tên B, tên H4, tên H3, tên V3 hiện nay không rõ địa chỉ, Cơ quan điều tra làm rõ, xử lý sau.

- Đối với bà Nguyễn Thị Tố Q1 và ông Lê Văn Đ1, quá trình điều tra chứng minh bà Q1 và ông Đ1 không biết hành vi buôn lậu dầu của bị cáo T, không đủ cơ sở xem xét trách nhiệm hình sự liên quan đến bị cáo V phạm tội che giấu tội phạm.

- Đối với số lượng dầu **53.621** lít là tang vật của vụ án, ông Phạm Thái S - Chỉ huy Trưởng Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh T (đã nghỉ hưu) chỉ đạo cho đem bán và số tiền 309.000.000 đồng truy thu tiền dầu mà các bị cáo H2, T6, V2 và ông C mua dầu của T nhằm thu lợi bất chính, chưa đúng quy định. Nội dung này Cơ quan điều tra tiến hành làm rõ, xử lý sau.

Đối với thuyền viên trên tàu BT 97227 TS gồm Tăng Văn T10 (sinh năm 1974, cư trú tại xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre) và Lê Thu P1 (sinh năm 1982, cư trú tại ấp B, xã V, huyện B tỉnh Bến Tre) là người làm công cho bị cáo H2, hiện không có thông tin của ông T10 trong hệ thống dữ liệu dân cư, còn anh P1 bỏ đi khỏi địa phương, không rõ đi đâu nên khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2023/HS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh, đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 268, Điều 269 và Điều 299 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

Tuyên bố:

Bị cáo Đoàn Minh T, bị cáo Nguyễn Văn T5, bị cáo Nguyễn Trí T1 phạm tội “*Buôn lậu*”; bị cáo Bùi Văn H2, bị cáo Phan Thanh Quốc T6, bị cáo Nguyễn Thanh V1 phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”; bị cáo Trịnh Hoàng V phạm tội “*Che giấu tội phạm*”.

- Căn cứ Điều 17, Điều 38, khoản 2 Điều 51, điểm a khoản 4 Điều 188 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Đoàn Minh T 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17 tháng 11 năm 2022.

- Căn cứ Điều 17, Điều 38, điểm s, r khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54, điểm a khoản 4 Điều 188 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Trí T1 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20 tháng 5 năm 2023.

- Căn cứ Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm d khoản 1 Điều 389 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Trịnh Hoàng V 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án nhưng được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 27 tháng 9 năm 2022 đến ngày 23 tháng 02 năm 2023.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Văn T5, Phan Thanh Quốc T6, Nguyễn Thanh V1 và Bùi Văn H2; về xử lý vật chứng; về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 01 tháng 10 năm 2023, bị cáo Trịnh Hoàng V có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm với nội dung bản thân bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo còn 01 con nhỏ sinh năm 2019, vợ bị cáo thất nghiệp, hoàn cảnh kinh tế khó khăn; bị cáo luôn chấp hành tốt chính sách, pháp luật tại địa phương; bị cáo phạm tội do trình độ học vấn thấp, hạn chế về pháp luật, nên bị cáo kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Ngày 10 tháng 10 năm 2023, bị cáo Đoàn Minh T và bị cáo Nguyễn Trí T1 cùng có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- ***Bị cáo Đoàn Minh T trình bày:*** Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đúng như án sơ thẩm đã nêu, do ở cấp sơ thẩm bị cáo không hiểu việc mua dầu từ vùng đặc quyền kinh tế Việt Nam vào nội thủy (vùng nước nội địa) để bán là phạm tội “*Buôn lậu*” nên bị cáo đã không thừa nhận tội danh. Tuy nhiên, sau khi được Luật sư giải thích cho bị cáo hiểu về hành vi của mình, bị cáo thừa nhận hành vi của bị cáo là phạm tội “*Buôn lậu*”. Bị cáo hối hận và đã tác động gia đình nộp đủ số tiền thu lợi bất chính mà án sơ thẩm đã tuyên. Bị cáo cũng thừa nhận có nhờ bị cáo Trịnh Hoàng V đứng ra nhận tội thay cho bị cáo.

- Bị cáo Nguyễn Trí T1 trình bày: Bị cáo thừa nhận tội danh mà Tòa sơ thẩm đã tuyên, nay bị cáo chỉ xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo chỉ là người làm công (thợ sửa máy tàu) nên ai thuê thì bị cáo làm để có thu nhập nuôi gia đình; quá trình làm công cho tàu của T thì bị cáo làm theo sự chỉ đạo của bị cáo T5 (tài công). Bị cáo nhận thức pháp luật hạn chế, chỉ hưởng tiền lương từ chủ tàu là 17.000.000 đồng, ngoài ra bị cáo không hưởng lợi ích gì khác, nên bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị cáo Trịnh Hoàng V trình bày: Vì tình nghĩa anh em và gia đình mẹ bị cáo khó khăn nên bị cáo đã nhận lời đứng ra nhận tội thay cho bị cáo T để bị cáo T cất nhà cho mẹ bị cáo với giá 400.000.000 đồng, tuy nhiên mới chỉ là hứa hẹn chứ chưa thực hiện. Sau khi sự việc bị phát hiện, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối hận, tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra làm rõ vụ án. Hiện gia đình bị cáo rất khó khăn nên xin Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

- Người bào chữa theo yêu cầu của bị cáo Đoàn Minh T, trình bày: Thống nhất với tội danh mà án sơ thẩm đã tuyên cho bị cáo T. Tuy nhiên, Luật sư kính đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến một số tình tiết giảm nhẹ, cụ thể: *Thứ nhất*, từ khi bị bắt đến phiên tòa hôm nay, bị cáo T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. *Thứ hai*, bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả, bị cáo là trụ cột chính trong gia đình; tuy có hoàn cảnh khó khăn nhưng đã tác động gia đình tự nguyện nộp lại số tiền 73.512.785 đồng. *Thứ ba*, bị cáo T đã có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập, công tác. Việc có thành tích trong việc giúp đỡ, hỗ trợ địa phương trong giai đoạn đại dịch C2 đã được Ủy ban nhân dân xã B xác nhận bằng văn bản. Từ những căn cứ trên, Luật sư kính đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, điểm s, điểm v Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 tuyên phạt bị cáo T với mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, tạo cơ hội cho bị cáo T được sớm đoàn tụ với gia đình.

(Bị cáo T đồng ý với lời bào chữa của Luật sư, không bổ sung gì thêm).

- Người bào chữa theo chỉ định cho bị cáo Nguyễn Trí T1, trình bày: Từ khi bị bắt đến phiên tòa hôm nay, bị cáo T1 luôn ăn năn hối cải về hành vi của mình, bị cáo T1 cũng đã thừa nhận tội danh và chấp nhận hình phạt mà Tòa cấp sơ thẩm đã tuyên cho bị cáo, nay bị cáo chỉ xin giảm nhẹ hình phạt. Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, Luật sư kính đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm các nguyên nhân, điều kiện và hoàn cảnh của bị cáo T1: bị cáo là người làm công ăn lương, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, chỉ làm theo yêu cầu của người thuê mướn, T1 đã không nhận thức được hành vi của mình đang tiếp tay cho tội phạm buôn lậu. Người ngay tình mắc tội, không được hưởng lợi gì từ việc làm này. Vì vậy, Luật sư kính đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm tình tiết giảm nhẹ quy định

tại điểm g khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để tuyên mức hình phạt khoan hồng với bị cáo Nguyễn Trí T1, để bị cáo sớm được về với gia đình, hòa nhập với cộng đồng.

(Bị cáo T1 đồng ý với lời bào chữa của Luật sư, không bổ sung gì thêm).

- Bị cáo Trịnh Hoàng V không tranh luận, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Tòa sơ thẩm xử các bị cáo Đoàn Minh T, Nguyễn Trí T1 phạm tội “*Buôn lậu*” theo điểm a khoản 4 Điều 188 và xử bị cáo Trịnh Hoàng V phạm tội “*Che giấu tội phạm*” theo điểm d khoản 1 Điều 389 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, không oan, sai.

Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo T: Tại cấp phúc thẩm, bị cáo T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tác động gia đình nộp đủ số tiền thu lợi bất chính 73.512.785 đồng. Tuy nhiên, hành vi phạm tội của bị cáo T đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước nên cần phải xử lý nghiêm minh. Vì vậy, mức hình phạt mà cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo đã tương xứng với mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Trí T1: Bị cáo T1 là người làm công ăn lương, không hưởng lợi vật chất khác ngoài số tiền lương được trả từ 15.000.000 đồng đến 17.000.000 đồng, quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự thú khai báo các lần phạm tội trước đó, có nhân thân tốt, gia đình bị cáo có công với cách mạng, bị cáo là lao động chính với hoàn cảnh gia đình khó khăn. Tòa sơ thẩm đã cho bị cáo hưởng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ vừa nêu, tại cấp phúc thẩm bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ mới.

Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trịnh Hoàng V: Bị cáo V không liên quan đến hành vi phạm tội buôn lậu nhưng khi được bị cáo T nhờ nhận tội thay thì bị cáo đồng ý. Hành vi của bị cáo V gây khó khăn cho quá trình điều tra, tuy nhiên sau khi sự việc bị phát hiện thì bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có tình tiết tăng nặng là tái phạm nên mức án 01 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Bởi các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ của các bị cáo Đoàn Minh T, Nguyễn Trí T1 và Trịnh Hoàng V, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Lời nói sau cùng, các bị cáo đều xin Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nên các quyết định, hành vi của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

Kháng cáo của các bị cáo Đoàn Minh T, Nguyễn Trí T1 và Trịnh Hoàng V còn trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét tại cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các bị cáo Đoàn Minh T, Nguyễn Trí T1 và Trịnh Hoàng V thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng, kết luận giám định, vật chứng thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nên đủ cơ sở xác định:

Bị cáo Đoàn Minh T là chủ sở hữu tàu Vinh Phát, do biết được việc mua dầu Diezen (DO) không rõ nguồn gốc, xuất xứ trên biển có giá rẻ hơn so với giá thị trường và bán lại cho các tàu đánh bắt thủy sản khác sẽ thu được lợi nhuận cao. Từ đó, bị cáo T đã đứng ra thuê, mướn Nguyễn Văn T5 làm tài công lái tàu; Nguyễn Trí T1 cùng đi trên tàu để cột dây tàu, kéo ống bơm dầu phục vụ cho việc mua bán dầu.

Ngày 16 tháng 01 năm 2016, tại vị trí vùng biển có tọa độ 06⁰32'18,0"N - 107⁰23'41,9"E (thuộc vùng đặc quyền kinh tế Việt Nam), Đoàn Minh T đã chỉ đạo Nguyễn Văn T5, Nguyễn Trí T1 và một số đối tượng khác cập mạn một tàu nước ngoài (không rõ số hiệu) để nhận số lượng 170.000 lít dầu DO với giá 7.500 đồng/lít, do T đã liên hệ để mua.

Khi nhận dầu xong, bị cáo T chỉ đạo cho bị cáo T5 lái tàu về vùng biển tỉnh Bến Tre để giao dầu cho các đối tượng đã liên hệ mua dầu của T trước đó và T1 là người phụ trách ghi chép số lượng dầu đã bán.

Theo đó, tại lãnh hải Việt Nam, từ ngày 16 tháng 01 năm 2016 đến ngày 18 tháng 01 năm 2016, T đã bán cho Phan Thanh Quốc T6 20.000 lít dầu giá 8.600 đồng/lít, Nguyễn Thanh V1 17.320 lít dầu giá 8.000 đồng/lít, Bùi Văn H2 42.321 lít dầu giá 8.600 đồng/lít, ông Đỗ Hữu C số lượng 27.078 lít dầu giá 8.600 đồng/lít; tổng cộng bị cáo T đã bán 106.719 lít dầu; T đã thanh toán tiền mua dầu là 1.275.000.000 đồng, đã nhận tiền bán dầu của 103.328 lít hưởng lợi tiền chênh lệch là 73.512.785 đồng; số dầu còn lại là 50.230 lít, T chỉ đạo T5 giao cho Bùi Văn H2 thì bị bắt giữ.

Hành vi của Đoàn Minh T mua dầu DO từ vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam, vận chuyển đến lãnh hải và nội thủy (vùng biển nội địa) để bán cho các ghe đánh bắt thủy sản là đã đi qua đường biên giới trên biển nên đủ yếu tố cấu thành tội “*Buôn lậu*” quy định tại Điều 188 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 08/BKLDGTS ngày 09 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng Định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Trà Vinh, xác định số lượng 156.949 lít dầu DO có giá trị là 1.340.187.000 đồng.

Đối với số lượng dầu còn lại do không xác định được số lượng bán và do bị tiêu hao trong quá trình di chuyển tàu nên không đủ cơ sở xác định đã buôn bán trái phép qua biên giới.

Sau khi tàu của bị cáo T buôn lậu dầu bị phát hiện, bắt giữ thì vào ngày 18 tháng 01 năm 2016, bị cáo T gặp và nhờ bị cáo Trịnh Hoàng V đứng ra nhận tội thay và hứa sẽ cất nhà cho mẹ bị cáo V 400.000.000 đồng (theo lời khai của V). Vì hám lợi và muốn báo hiếu cho mẹ mà bị cáo V đã đồng ý nhận tội thay bị cáo T. Các bị cáo chỉ có hứa hẹn chứ chưa giao nhận tiền, V che giấu hành vi phạm tội của bị cáo T buôn lậu dầu có tổng giá trị 1.340.187.000 đồng, gây cản trở cho cơ quan thi hành pháp luật.

Với hành vi và hậu quả nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố các bị cáo Đoàn Minh T, Nguyễn Văn T5, Nguyễn Trí T1 phạm tội “*Buôn lậu*” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 188 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; bị cáo Bùi Văn H2 phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; bị cáo Phan Thanh Quốc T6, bị cáo Nguyễn Thanh V1 phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; bị cáo Trịnh Hoàng V phạm tội “*Che giấu tội phạm*” quy định tại điểm d khoản 1 Điều 389 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan, sai.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Đoàn Minh T, bị cáo Nguyễn Trí T1 và kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Trịnh Hoàng V:

[3.1] Đối với kháng cáo của bị cáo Đoàn Minh T:

Bị cáo giữ vai trò chính trong vụ án buôn lậu dầu, bị cáo đã chỉ đạo Nguyễn Văn T5 cùng Nguyễn Trí T1 vận chuyển dầu lậu để bán lại cho các tàu đánh bắt thủy sản, khi bị bắt bị cáo có nhiều thủ đoạn xảo quyệt nhờ bị cáo Trịnh Hoàng V đứng ra nhận tội thay để khỏi bị xử lý, gây trở ngại, khó khăn trong việc điều tra, chứng minh, xử lý tội phạm. Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước nên cần phải xử phạt bị

cáo mức án nghiêm khắc để răn đe, giáo dục, phòng ngừa tội phạm buôn lậu, ổn định cho nền kinh tế.

Xét, khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo là bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo có tình tiết mới là đã biết ăn năn hối cải nên thành khẩn khai báo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung án sơ thẩm đã nêu; bị cáo đã nộp lại toàn bộ số tiền hưởng lợi bất chính từ việc mua bán dầu lậu là 73.512.785 đồng mà án sơ thẩm đã tuyên; bị cáo có nhiều đóng góp trong công tác phòng chống dịch Covid-19 được Ủy ban nhân dân xã B xác nhận, nên Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo T, sửa án sơ thẩm, giảm hình phạt cho bị cáo T.

[3.2] Đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn Trí T1:

Bị cáo biết rõ hành vi mua dầu của tàu nước ngoài là trái phép nhưng vẫn giúp cho bị cáo Đoàn Minh T thực hiện hành vi mua bán dầu lậu với số lượng lớn. Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng nên cũng cần xử lý nghiêm.

Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự thú khai ra các lần phạm tội trước đó; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; gia đình bị cáo T1 có công cách mạng, bị cáo là lao động chính, gia đình khó khăn, nuôi 03 con còn nhỏ theo quy định tại điểm s, điểm r khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Mặt khác, bị cáo là người làm thuê, phạm tội với vai trò giúp sức không đáng kể, bị cáo chỉ được hưởng tiền công là thợ sửa máy tàu với số tiền khoảng 17.000.000 đồng, ngoài ra không có hưởng lợi ích gì khác, nên mức hình phạt 07 năm tù Tòa sơ thẩm tuyên phạt là quá nghiêm khắc đối với bị cáo. Vì thế, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo T1.

[3.3] Đối với kháng cáo của bị cáo Trịnh Hoàng V:

Khi hành vi buôn lậu của bị cáo Đoàn Minh T bị Bộ đội Biên phòng tỉnh T bắt giữ, bị cáo T đã chủ động gặp bị cáo V nhờ bị cáo Vũ g nhận tội thay bị cáo T và bị cáo T hứa cất cho mẹ bị cáo V căn nhà trị giá 400.000.000 đồng, thì bị cáo V đã biết rõ hành vi phạm tội của bị cáo T nhưng vì mong muốn có tiền để cất nhà cho mẹ ở, vì chữ hiếu với bậc sinh thành mà bị cáo suy nghĩ nông cạn, thiếu chín chắn dẫn đến việc phạm tội (ký giả hợp đồng thuê tàu của bị cáo T và đứng ra nhận tội thay cho bị cáo T nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho bị cáo T trốn tránh pháp luật), gây cản trở cho việc phát hiện, điều tra, xử lý bị cáo T. Song, sau khi sự việc bị phát hiện, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, con bị cáo còn nhỏ, vợ bị cáo thất nghiệp, bị cáo phạm tội do nhận thức pháp luật hạn chế, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy

định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do bị cáo có 01 tiền án về tội “*Giết người*”, chưa được xóa án tích nên không đủ điều kiện để hưởng án treo. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy rằng mục đích phạm tội của bị cáo là muốn có tiền để cất nhà cho mẹ ở, vì chữ hiếu với mẹ mà chấp nhận để nhận tội thay, nên mức án 01 năm tù Tòa sơ thẩm tuyên phạt là quá nghiêm khắc. Vì thế, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo V, giảm hình phạt nhưng không cho bị cáo hưởng án treo.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Đoàn Minh T, Nguyễn Trí T1, Trịnh Hoàng V không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Quyết định khác của án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Văn T5, Bùi Văn H2, Nguyễn Thanh V1, Phan Thanh Quốc T6, về vật chứng, án phí không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đoàn Minh T, Nguyễn Trí T1, Trịnh Hoàng V; sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2023/HS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

2. Tuyên bố: Bị cáo Đoàn Minh T, bị cáo Nguyễn Trí T1 phạm tội “*Buôn lậu*”; Bị cáo Trịnh Hoàng V phạm tội “*Che giấu tội phạm*”.

2.1. Căn cứ Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 58, điểm a khoản 4 Điều 188 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo **Đoàn Minh T 10 (mười) năm tù.**

Thời hạn tù tính từ ngày 17 tháng 11 năm 2022.

2.2. Căn cứ Điều 17, Điều 38, điểm s, điểm r khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 58, điểm a khoản 4 Điều 188 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo **Nguyễn Trí T1 06 (sáu) năm tù.**

Thời hạn tù tính từ ngày 20 tháng 5 năm 2023.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Đoàn Minh T và Nguyễn Trí T1 bằng Quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử để đảm bảo thi hành án.

2.3. Căn cứ Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm d khoản 1 Điều 389 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo **Trịnh Hoàng V 06 (sáu) tháng tù.**

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 27 tháng 9 năm 2022 đến ngày 23 tháng 02 năm 2023.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, các bị cáo Đoàn Minh T, Nguyễn Trí T1, Trịnh Hoàng V không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

4. Quyết định khác của án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Văn T5, Bùi Văn H2, Nguyễn Thanh V1, Phan Thanh Quốc T6, về vật chứng, án phí không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Riêng đối với phần đã tuyên trong bản án sơ thẩm “*Buộc bị cáo Đoàn Minh T nộp số tiền 73.512.785 đồng (*bảy mươi ba triệu năm trăm mười hai nghìn bảy trăm tám mươi lăm đồng*) sung vào ngân sách nhà nước”, bị cáo Đoàn Minh T đã nộp đủ số tiền 73.512.785 đồng theo Biên lai thu tiền số 0000614 ngày 10 tháng 01 năm 2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh nên số tiền này được sung vào ngân sách nhà nước. Như vậy, bị cáo T đã thi hành xong phần nộp tiền thu lợi bất chính mà án sơ thẩm đã tuyên.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh (1);
- TAND tỉnh Trà Vinh (3);
- VKSND tỉnh Trà Vinh (1);
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh (3);
- Công an tỉnh Trà Vinh (1);
- Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh (1);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre
- “bị cáo tại ngoại” (1);
- Trại tạm giam Công an tỉnh Trà Vinh
- “để tổng đạt cho bị cáo” (3);
- Bị cáo tại ngoại (1);
- Lưu VT (5), HS (2), 25b, (TK-PH)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tửu